

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-06-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoài Sơn

2. Bà Hà Thị Minh Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị V, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Duy - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Tồn V, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại 4, trại giam N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị V trình bày: Tôi và anh Đặng Tồn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 01/06/2016 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 2/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Đến tháng 3/2019 anh V bị Công an bắt về liên quan đến tội mua bán trái phép chất ma túy và bị bắt, hiện nay đang đi chấp hành án tại: Phân trại số 04, trại giam N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Nay tôi xác định tình

cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh V.

Về con chung: Có 01 cháu: Đặng Hồng T, sinh ngày 18/11/2016. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cháu T và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay đi làm thuê tại nhà, ai thuê gì làm đó, thu nhập một tháng 7.000.000đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Đặng Tồn V trình bày: Tôi và cô Đặng Thị V kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 01/06/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không hợp do làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Đến tháng 03/2019 tôi vi phạm pháp luật và bị kết án 06 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện nay tôi đang chấp hành án tại phân trại số 4, trại giam N. Trong thời gian tôi cải tạo được hơn 04 năm cô V không xuống thăm tôi một lần nào. Nay tôi xác định tình cảm với cô V không còn. Cô V xin ly hôn tôi, tôi cũng nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô V.

Về con chung: Có 01 cháu: Đặng Hồng T, sinh ngày 18/11/2016. Hiện nay cháu T đang ở cùng cô V. Do tôi đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện nuôi con. Tôi nhất trí khi ly hôn giao cháu T cho cô V nuôi dưỡng và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị V đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị V được ly hôn anh Đặng Tồn V. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Đặng Hồng T sinh ngày 18/11/2016 cho chị Đặng Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đặng Tồn V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị V là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đặng Thị V.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị V được ly hôn anh Đặng Tồn V.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Đặng Hồng T sinh ngày 18/11/2016 cho chị Đặng Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đặng Tồn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị V là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đặng Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị V và anh Đặng Tồn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 01 tháng 06 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Chị V và anh V đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 02/2018 sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cả hai anh chị đều cho là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị V xin ly hôn. Anh V đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị V và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị V xin ly hôn. Anh V đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị V được ly hôn anh V là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Đặng Hồng T sinh ngày 18/11/2016. Khi ly hôn chị V nhận nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Công việc

của chị V hiện nay đi làm thuê tại nhà, ai thuê gì làm đó, thu nhập một tháng 7.000.000đồng đủ để nuôi con. Anh V đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu T được ổn định, đầy đủ. Do vậy cần giao cháu T cho chị V nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng nuôi con chung của chị V không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị V là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đặng Thị V.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thị V là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị V được ly hôn anh Đặng Tồn V.

2. Về con chung: Có 01 cháu: Đặng Hồng T sinh ngày 18/11/2016.

Xử giao cháu Đặng Hồng T cho chị Đặng Thị V trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Đặng Tồn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Tồn V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã P.
- Lưu HS-TQĐ(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng